寮の５S_「**あるべき状態**と**べからず状態**」版
Ký túc xá “Tình trạng nên và tình trạng không nên”

〇〇株式会社
Công ty 〇〇

GMT協同組合 Global Manpower of Technology

エリア Khu vực	場所・ポイント Nơi và các điểm	あるべき状態_〇 OK Tình trạng nên / 〇 /OK	べからず状態_× NG Tình trạng không nên/×/NG
玄関、玄関ホール、Lối vào nhà	入口・靴箱・傘立て Lối vào, tủ giày, kệ đựng ô/dù	 靴は靴箱に入れて収納 Cho giày và sắp xếp giày gọn gàng vào tủ đựng giày.	 ・雑然と散らかした状態や靴箱へ入れていない収納はNG。 Giày không được xếp gọn gàng vào trong tủ giày, để lung tung, lộn xộn ở lối ra vào là không được.
	ローカ（貴重品ロッカーなど） Tủ khóa (tủ đựng đồ quan trọng)	 ・パスポート、現金その他の貴重品は必ず貴重品ロッカーへ収納。 Để những thứ quan trọng như hộ chiếu, tiền mặt,vv vào tủ khóa. ・ロッカーはいつも施錠する。 Tủ khóa phải luôn được khóa lại.	 ・鍵がかかっていない状態 Khóa tủ để nguyên không khóa lại ・貴重品以外の物を置く事とロッカーに不衛生な物はNG。 Để những thứ không quan trọng trong tủ khóa. Tủ khóa không sạch sẽ, mất vệ sinh là không được.
	掃除用具置き場 Nơi đặt để dụng cụ dọn dẹp 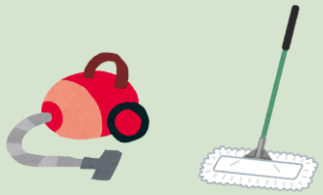	 掃除工具は決められた所に綺麗に収納する。 Sắp xếp dụng cụ dọn dẹp ngay ngắn vào nơi quy định.	 ・用具類をむき出しでいろんな場所へ放置することはNG。 Dụng cụ để lung tung, để ở nhiều nơi khác nhau là không được.

トイレ
お風呂場
Nhà vệ sinh, phòng tắm

トイレ
Nhà vệ sinh

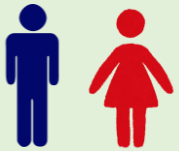

・掃除当番の定期清掃以外にも、汚した場合はその都度清掃。
Ngoài dọn dẹp định kỳ theo phiên thì dọn dẹp bất kỳ lúc nào bị bẩn
・男性もトイレに座ってする。おしっこが壁と床に飛び散らないようにする。
Nam giới cũng hãy ngồi đi vệ sinh. Đi vệ sinh làm sao không bắn nước tiểu lên tường, nền nhà.

・生理用品はボックスへ黒袋を付けて使用すること。
Những thứ dùng trong kỳ kinh nguyệt hãy bỏ vào túi màu đen và cho vào thùng đựng
・トイレに立て使って、おしっこが床と壁に飛び散って匂いが付いてしまう。
Nếu đứng đi tiểu sẽ làm nước tiểu bắn lên tường và nền nhà, sẽ hình thành mùi hôi.

洗濯コーナー
Góc giặt đồ

・洗剤、柔軟剤類の棚への整頓。液剤が漏れ落ちた場合はすぐに拭き上げ。
Sắp xếp gọn gàng kệ đựng nước giặt, nước xả; nếu bị rơi rớt nước giặt các thứ xuống sàn nhà thì lau ngay lập tức.
・シャンプー類の収納シェリフや、脱衣カゴは整理整頓。散らかしNG。
Sắp xếp tủ đựng các thứ liên quan tắm rửa và rổ đựng quần áo. Để lộn xộn, lung tung là không được.

・洗濯機を使用中は、水漏れが起きていないか注意する事。
Chú ý không để rò nước khi đang sử dụng máy giặt.
・洗濯モノから水滴などが床へ落ちた場合は、速やかに吹き上げる事。
Nếu rớt nước từ đồ giặt xuống nền nhà thì lau sạch ngay.

シャワー室
Phòng tắm

・シャワー室はカビや水アカが付きやすい場所です。清掃はしっかりと。また髪の毛の除去もこまめに行います。
Phòng tắm là nơi rất dễ dính nấm mốc và cặn nước bẩn. Vệ sinh phải thật kỹ, ngoài ra, việc loại bỏ tóc rụng cũng phải thực hiện thường xuyên.

・お風呂場の排水溝に髪の毛とヌメヌメ汚れだらけはNG。
Lỗ thoát nước nhà tắm toàn tóc rụng và nhờn bẩn.

・鏡は拭き上げず、水アカがいっぱい付いている状態はNG
Gương không được lau chùi sạch sẽ dẫn đến bị dính cặn nước bẩn, nhìn mất vệ sinh.

寝室、物干し
Phòng ngủ, phơi đồ

寝室
Phòng ngủ

・かさばる冬布団やダウン服等は圧縮袋で保管して部屋の整頓を。
Những đồ cồng kềnh như chăn ga nệm mùa đông, quần áo mùa đông thì nén lại và bảo quản bằng túi chân không và sắp xếp trong phòng
・梅雨、畳はカビが生えやすいので、定期的に拭き掃除、奥の所も掃除すること。汚した場合はその都度清掃。
Mùa mưa, chiếu tatami rất dễ bị lên mốc nên cần định kỳ lau bằng dung dịch tẩy rửa và phải lau cả ở trong các góc. Dọn dẹp ngay khi thấy bẩn.

・乱雑な押し入れ。ちゃんと整理整頓されてない状態
Tủ âm tường lộn xộn, không được sắp xếp gọn gang.
・畳にカビが生え、畳表が変色してしまったのはNG。
Để chiếu tatami bị lên mốc và chiếu bị dính màu mốc là không được.

物干し
Phơi đồ

・できるだけ外に干して部屋を快適に。雨で部屋干す時にエアコン、扇風機、除湿機等使って干す。
Phơi trong nhà là nguyên nhân gây nấm mốc nên có thể hãy phơi bên ngoài, hãy làm cho nhà ở được thoải mái. Trời mưa, không phơi được bên ngoài mà phơi trong nhà thì phải thực hiện các phương pháp chống ẩm như bật điều hòa, bật quạt, bật máy hút ẩm…

・手洗い服などの水滴が落ちる様な洗濯物は部屋内干し禁止。
Những đồ giặt mà nhỏ nước như đồ giặt tay thì cấm phơi trong nhà.
・部屋干し時に除湿しなかったら、カビが発生する原因になる。

Phơi đồ trong nhà nhưng không thực hiện các biện pháp hút ẩm sẽ làm quần áo hôi và hình thành ẩm mốc trong nhà.

乾いた洗濯物
Đồ giặt đã khô

・洗濯した後の物干しでは、乾いた後は速やかに取り込んで、共同利用の認識を徹底する事。
Đồ đã giặt xong, sau khi đã khô thì nhanh chóng thu quần áo và triệt để ý thức sử dụng chung.

・匂いの出易い「干しっぱなしの洗濯物」は、健康にも害がある事とカビの発生も促すので絶対NG。
Đồ phơi khô rồi cứ để treo mãi thường dễ bị hôi, gây hại cho sức khỏe và phát sinh mốc nên tuyệt đối không được.

寮の５S_「**あるべき状態**と**べからず状態**」版
Ký túc xá “Tình trạng nên và tình trạng không nên”

GMT協同組合 Global Manpower of Technology

エリア Khu vực	場所・ポイント Nơi và các điểm	あるべき状態_○ OK Tình trạng nên /〇/OK	べからず状態_× NG Tình trạng không nên/×/NG
台所 Phòng bếp	食卓テーブル Bàn ăn	 ・食卓テーブルは、いつも清潔に。 Bàn ăn lúc nào cũng phải vệ sinh, sạch sẽ.	 ・料理クズなどをテーブルに残す事は、ゴキブリや害虫バクテリアなど発生させるのでNG。 Vụn thức ăn còn sót lại trên bàn sẽ tạo ra vi khuẩn gây hại, gián,vv nên là không được
	食器棚・食材棚その他 Tủ đựng dụng cụ ăn uống, tủ đựng đồ ăn và những thứ khác	 ・食器棚や食材棚はいつもキチンと収納。 Tủ đựng dụng cụ ăn uống, tủ đựng đồ ăn luôn được đặt trong bếp.	 ・調理済みの料理を、そのまま出しっぱなしの厳禁。ハエなど呼び込み不衛生はNG。 Cấm để nguyên đồ đã nấu ở bên ngoài. Sẽ mất vệ sinh do dẫn ruồi bay vào là không được.
	冷蔵庫・ その他棚 Tủ lạnh, các tủ khác 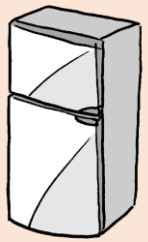	 ・傷み易い食材を保管する冷蔵庫はいつも整頓清潔に。 Sắp xếp, giữ vệ sinh sạch sẽ tủ lạnh dùng để bảo quản những thực phẩm dễ bị hư hỏng.	 ・共同で使用する冷蔵庫の清掃は、一人一人の整頓意識が大事。定期的に食材を出して清掃し、古い物の放置はNG。 Việc vệ sinh tủ lạnh dùng chung thì ý thức dọn dẹp ngăn nắp của từng người rất quan trọng. Định kỳ cho đồ ăn ra ngoài và vệ sinh. Để những đô cũ/hỏng là không được.

台所
Phòng bếp

調理台・調理具
Bếp và dụng cụ nấu nướng

・食材に直接触れる調理具や特にまな板はいつも清潔に。
Những thứ trực tiếp tiếp xúc với đồ ăn như dụng cụ nấu ăn, đặc biệt là thớt luôn phải sạch sẽ.
・油汚れが付き易いコンロは、いつも清掃清潔に。
Luôn vệ sinh sạch sẽ bếp nấu thứ dễ bị dính dầu bẩn.

・調理具の不清潔と、置き場を決めない散らかしの禁止。
Dụng cụ nấu ăn không được vệ sinh. Không có nơi đặt để rõ ràng, bạ đâu để đó là không được.

シンク・水回り
Bồn rửa và xung quanh

・三角コーナーには必ず水切ネットを使用する事。
Rổ tam giác đựng rác ở bồn rửa luôn phải dùng túi lưới đựng để rác được ráo nước.
・使用した都度に、シンクと食器は洗う。
Mỗi lần sử dụng xong đều rửa sạch bồn rửa và dụng cụ ăn uống.

・シンクかごの都度清掃と定期的にパイプ非清掃での腐敗臭NG。
Không vệ sinh mỗi lúc sử dụng xong cái rổ lưới thoát nước ở bồn rửa và không định kỳ vệ sinh ống thoát nước gây nên mùi hôi thối là NG.
・油は必ず固めるテンプルで生ゴミとして処分。シンクに捨てる事はNG.
Dầu phải được xử lý bằng bột làm đông và vứt trong rác tươi sống. Đổ thẳng dầu ăn xuống bồn rửa là không được.

ごみバケツ
（生ゴミの再注意）
Thùng đựng rác
(Chú ý lần nữa đối với rác tươi sống)

・ゴミの保管用バケツは、分別に従う事と特に生ゴミの管理は厳重注意しましょう。
Hãy chú ý nghiêm ngặt việc phân loại đối với các thùng bảo quản rác và đặc biệt việc quản lý rác tươi sống.

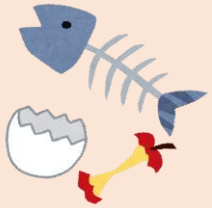

・油を固まりにせず処分したり、また生ゴミを水切ネットで水切せずに処分は絶対NG。
Không xử lý làm đông cứng dầu; Không làm ráo nước của rác tươi sống là tuyệt đối không được.

その他
Những nơi khác

ゴミ出し（分別）
Vứt rác (phân loại)

・寮の管轄ルールに従って分別処分を行う事。
Phải tiến hành phân loại dựa theo các quy định quản lý của ký túc xá.

・ゴミ出し当番をうっかり忘れて、長時間寮にゴミが溜まる事はNG。
Quên phiên vất rác và để rác ở ký túc xá thời gian dài là không được.

共有廊下
Hành lang chung

・廊下に個人の物等置かない綺麗な状態
Hành lang sạch sẽ, thông thoáng, không đặt đồ cá nhân

・室内喫煙はダメ。敷地内の決められたところでタバコを吸う。
Không hút thuốc lá trong nhà. Hút thuốc ở bên ngoài nhà, nơi được quy định, nơi có gạt tàn và phải dọn sạch sẽ sau khi hút.

・カラオケやパーティーをして、騒いで、近所に迷惑をかけるような行動はNG.
Hát hò karaoke, tiệc tùng, gây ồn ào, có những hành động làm phiền tới hàng xóm là không được.

・室内喫煙と外で灰皿を使わずにタバコを吸って、タバコの灰は飛び散るのはNG
Hút thuốc trong nhà hoặc hút thuốc bên ngoài nhưng không dùng gạt tàn, tàn thuốc bay lung tung là không được.

外回り
Xung quanh nhà

・寮の外回りの整理整頓。当番で伸びた草の除草で、庭もきれいに。
Sắp xếp gọn gàng bên ngoài ký túc xá. Thay phiên nhổ cỏ mọc và làm sạch vườn.

・定期的にベランダを掃除
Định kỳ dọn dẹp lan can.

・段ボールなど不要なモノを外へ放置禁止。
Cấm đặt những thứ không cần thiết như thùng các tông ở bên ngoài.

・自転車の置き方整頓。乱雑な置き方禁止。
Sắp xếp cách đặt để xe đạp. Cấm đặt lung tung.

・社宅の空室に入ったり、屋上に登ってはいけない。
Cấm tự ý ra vào phòng trống của ký túc xá, cấm trèo lên sân thượng.